

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**
2. Ông **Nguyễn Minh Trọn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông **Phan Văn Hậu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386b/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị D**, sinh năm: 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh C.
2. *Bị đơn:* Ông **Phan Văn N**, sinh năm: 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày:

Bà Hồ Thị D và ông Phan Văn N chung sống với nhau năm 1995, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với Phan Văn N. Bà Hồ Thị D và ông Phan Văn N có 01 con chung là Phan Hải M, sinh năm 1996 hiện nay đã trưởng thành. Tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với ông Phan Văn N nhưng ông N vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn N có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Hồ Thị D khởi kiện xin ly hôn với ông Phan Văn N nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với ông Phan Văn N nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 23 tháng 9 năm 2020 bà Hồ Thị D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà D là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Hồ Thị D và ông Phan Văn N chung sống với nhau năm 1995, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Trích lục kết hôn (Bản sao) số 13/TLKH-BS ngày 23/6/2020 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị D và ông Phan Văn N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn bà D xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn N. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Phan Văn N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa bà D với ông N không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Hồ Thị D và ông Phan Văn N có 01 con chung là Phan Hải M, sinh năm 1996 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Hồ Thị D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị D, bà D được ly hôn với ông Phan Văn N.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng. Bà D có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011753 ngày 24/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân